

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2020, cơ bản đảm bảo bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

2. Các mục tiêu cụ thể:

a) Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

- Phần đầu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015-2020; tỷ lệ nữ Đại biểu Quốc hội, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 hợp lý.

- Phần đầu đến năm 2020 đạt 50% các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

- Phần đầu đến năm 2020 đạt 50% cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.

- Hàng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).

- Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt từ 35% trở lên vào năm 2020.

- Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 50% vào năm 2020.

- Tỷ lệ phụ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng ưu đãi chính thức của nhà nước đạt 100% vào năm 2020.

c) Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Đến năm 2020, tỷ lệ biết chữ của nữ từ 15-60 đạt ngang bằng với nam (98%), tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ đạt 90%.

- Tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 50% trên tổng số người có trình độ thạc sỹ; tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 25% trên tổng số người có trình độ tiến sỹ vào năm 2020.

d) Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 115 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 52/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2020.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con là 90% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ phá thai xuống 25/100 trẻ đẻ sống vào năm 2020.

e) Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin.

- Phân đầu hàng tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn vào năm 2020.

- Đến năm 2020 có 100% đài phát thanh và đài truyền hình tỉnh và cấp huyện có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

g) Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.

- Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 1,5 lần vào năm 2020.

- Đến năm 2020 ít nhất 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân của bạo lực gia đình và đạt 75% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đến năm 2020 có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu,.. được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

h) Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

- Đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được thẩm định, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

- Đến năm 2020 có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.

- Đến năm 2020 phân đầu bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới, hình thành đội ngũ công tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

- Đến vào năm 2020 có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.

(Chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục đính kèm)

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp chung:

a) Tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác bình đẳng giới.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức quán triệt sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác bình đẳng giới. Đưa nội

dung Bình đẳng giới vào Nghị quyết của Đảng, lồng ghép các chỉ tiêu về bình đẳng giới trong kế hoạch hành động hàng năm của ngành, địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác bình đẳng giới.

b) **Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức .**

- Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới... nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và người dân về bình đẳng giới.

- Thực hiện các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự phản ánh các hoạt động về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; phổ biến thông tin về chính sách, pháp luật bình đẳng giới trên Báo Thừa Thiên Huế, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh truyền hình các huyện, thị xã, thành phố, trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, đoàn thể.

- Tiếp tục duy trì thực hiện và mở rộng hiệu quả các mô hình: dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới; ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới; sửa đổi, bổ sung quy ước, hương ước đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình...

c) **Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển.**

- Bố trí cán bộ phụ trách công tác bình đẳng giới ở các cấp, ngành; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp.

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới, kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp, cán bộ tư pháp, thành viên Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp.

- Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nhằm hỗ trợ phụ nữ nâng cao năng lực, tăng cường tham gia vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và các cơ quan dân cử.

d) **Cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực.**

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước. Bố trí hợp lý ngân sách nhà nước cho hoạt động bình đẳng giới và các chương trình, dự án liên quan. Ưu tiên đối với những địa phương có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ cao về bất bình đẳng giới, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

2. Giải pháp cụ thể:

a) **Nhóm giải pháp thực hiện Mục tiêu 1.**

- Phát huy vai trò và tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong việc bố trí, phân công công tác đối với nữ cán bộ công chức, viên chức bảo đảm đúng quy định về bình đẳng giới; ưu tiên lựa chọn nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định trong quy hoạch và bổ nhiệm chức danh, chức vụ đảm bảo tỷ lệ nữ nhằm thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

- Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện công tác quy hoạch gắn với công tác bố trí, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nữ cán bộ, công chức, viên chức vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp tại các cơ quan

nhà nước với các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp khả thi; định kỳ hàng năm tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

- Tăng cường việc thí điểm thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý từ đó rút ra bài học kinh nghiệm liên quan đến tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý. Ưu tiên tổ chức các chương trình, dự án nâng cao năng lực cho nữ lãnh đạo, quản lý.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức về công tác cán bộ nữ, góp phần xóa bỏ các định kiến, các quan niệm không phù hợp về vai trò của nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Đa dạng hóa các hình ảnh của nữ giới với các vai trò và nghề nghiệp khác nhau.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ nữ, trước hết là quy định về độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt bổ nhiệm.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, cho cán bộ, công chức, viên chức và lao động nữ; đồng thời tạo điều kiện có chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức nữ.

- Hỗ trợ việc nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và các cơ quan dân cử, đặc biệt đối với nữ lãnh đạo trẻ, nữ lãnh đạo là người dân tộc thiểu số.

b) Nhóm giải pháp thực hiện Mục tiêu 2.

- Thực hiện các biện pháp đáp ứng nhu cầu của nữ giới và nam giới tham gia bảo hiểm tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp, chú ý nhóm dễ bị tổn thương (như: lao động di cư, lao động nghèo vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, người khuyết tật, phụ nữ đơn thân).

- Đảm bảo để phụ nữ được tiếp cận đầy đủ và bình đẳng giới các nguồn lực kinh tế (như: đất canh tác, các nguồn vốn tín dụng, thông tin thị trường, thông tin về luật pháp, chính sách...), bình đẳng về cơ hội tham gia sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình đào tạo nghề tập trung vào khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, thu hút nhiều lao động nữ. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020.

- Bảo đảm các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư sử dụng ngân sách nhà nước thu hút nhiều học viên nữ. Xác định và bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu về nữ trong việc bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo ở khu vực nông thôn và vùng dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu, phát triển các mô hình cung cấp dịch vụ bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung tăng cường cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động yếu thế, thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong phát triển kinh tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các chính sách đối với lao động nữ nhằm bảo đảm tính hiệu quả, công bằng trong chính sách đào tạo nghề, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tự nguyện, bảo hộ lao động, chế độ thai sản, nghỉ hưu và các chế độ khác đối với lao động nữ.

c) Nhóm giải pháp thực hiện Mục tiêu 3

- Đưa nội dung về bình đẳng giới vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt ở các cấp trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đưa nội dung về giới vào chương trình

bồi dưỡng quản lý nhà nước, đào tạo cao cấp lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo chủ chốt.

- Thực hiện chính sách đặc thù cho một số nhóm đối tượng: Chính sách, chương trình học bổng hỗ trợ trẻ em gái và phụ nữ tham gia học tập nâng cao trình độ, đặc biệt có chính sách khuyến khích đối với trẻ em gái, phụ nữ nông thôn và vùng dân tộc thiểu số; chính sách đặc thù cho giáo dục mầm non ở vùng sâu, vùng xa và vùng có điều kiện khó khăn; chính sách thu hút giáo viên tiểu học và mầm non là nam giới.

- rà soát, kiến nghị xóa bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến giới trong hệ thống sách giáo khoa hiện nay.

- Thực hiện tốt công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục đặc biệt là ở vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

- Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch về giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp của tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu có tách biệt theo giới tính, độ tuổi, dân tộc ở các cấp học, bậc học.

- Thực hiện tốt các chính sách ưu tiên, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức nữ tham gia học tập nâng cao trình độ, mở các lớp bồi dưỡng, giáo dục về giới, lồng ghép giới cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

d) Nhóm giải pháp thực hiện Mục tiêu 4.

- Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới. Đặc biệt, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản linh hoạt, dễ tiếp cận và miễn phí đối với phụ nữ và nam giới vùng dân tộc thiểu số.

- Mở rộng mạng lưới tư vấn về sức khỏe sinh sản cho nam giới. Tăng cường cử cán bộ đi đào tạo bác sỹ chuyên khoa nam học để phục vụ công tác tại bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới. Tăng cường sự tham gia của nam giới vào việc thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Mở rộng các hoạt động truyền thông đối với người chưa thành niên về sức khỏe tình dục, tránh thai an toàn.

- Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch của ngành y tế.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

e) Nhóm giải pháp thực hiện Mục tiêu 5.

- Nâng cao nhận thức về giới cho người sản xuất các sản phẩm văn hóa, thông tin. Xóa bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến giới trong các sản phẩm văn hóa, thông tin.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về giới trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng, khu vực, vùng miền. Đẩy mạnh truyền thông về bình đẳng giới thông qua mạng lưới thông tin cơ sở.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động và sản phẩm văn hóa, thông tin từ góc độ giới.

g) Nhóm giải pháp thực hiện Mục tiêu 6.

- Đẩy mạnh việc xây dựng gia đình văn hóa, trong đó nhấn mạnh tiêu chí bình đẳng giới trong gia đình.

- Chú trọng xây dựng mô hình các câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, bình đẳng và không có bạo lực, thu hút sự tham gia tích cực của nam giới vào các hoạt động này.
- Xây dựng, thực hiện thí điểm và nhân rộng mô hình tư vấn, hỗ trợ phòng chống bạo lực trên cơ sở giới và buôn bán người.
- Tăng cường trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình.

h) Nhóm giải pháp thực hiện Mục tiêu 7.

- Bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở các cấp; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, đặc biệt ở thôn, xóm, làng, cụm dân cư.
- Bồi dưỡng kỹ năng phân tích, đánh giá và lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hoạch định chính sách và xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức các đợt tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới cho thành viên các Ban soạn thảo, biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bình đẳng giới.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương bố trí trong dự toán hàng năm cho Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

2. Các đơn vị, địa phương căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp trong dự toán hàng năm để thực hiện hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

3. Các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế tổ chức triển khai Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch liên quan do các sở, ngành khác chủ trì thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm về bình đẳng giới phù hợp với kế hoạch này và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức tổng kết đánh giá Kế hoạch Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020.

2. Sở Kế hoạch và đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm và 5 năm của tỉnh, huyện, thành phố; hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; huy động các nguồn viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác cho các chương trình, dự án về bình đẳng giới.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách đảm bảo kinh phí thực hiện hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ hàng năm; hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí có hiệu quả, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng các văn bản quy phạm

pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới trong phạm vi điều chỉnh của văn bản.

5. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định về quy hoạch, đào tạo nguồn cán bộ nữ, tỷ lệ nữ để bổ nhiệm các chức danh trong các cơ quan nhà nước; thực hiện lồng ghép kiến thức giới và bình đẳng giới trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

6. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tốt Chiến lược Dân số- Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2016-2020; đẩy mạnh công tác tuyên truyền và chủ động kiểm soát nhằm giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh; tham mưu, thực hiện các chính sách về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2016-2020; triển khai thực hiện các nội dung giáo dục về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên; bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới; lồng ghép các vấn đề về bình đẳng giới vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thông tin, báo chí, xuất bản, thông tin trên internet về bình đẳng giới và liên quan đến bình đẳng giới; xử lý nghiêm những hành vi xuất bản các ấn phẩm, sản phẩm thông tin có định kiến giới.

9. Sở Văn hoá, Thể thao: Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Huế, thị xã và các huyện tổ chức triển khai Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; xây dựng và triển khai các hoạt động can thiệp phòng, chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung về bình đẳng giới vào các thiết chế văn hóa hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

10. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm buôn bán người; phòng, chống các hành vi bạo lực gia đình, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em.

11. Sở Khoa học và Công nghệ: Tham mưu UBND tỉnh danh mục các nhiệm vụ nghiên cứu thử nghiệm liên quan đến bình đẳng giới.

12. Ban Dân tộc tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định; vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát huy các phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

13. Cục thống kê tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan điều tra, thống kê và cung cấp số liệu có phân tích giới trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn điều tra và thống kê lĩnh vực bình đẳng giới cho các cơ quan, địa phương.

14. Báo Thừa Thiên Huế, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tin đại chúng khác: Xây dựng các chuyên mục, chương trình có nội dung về bình đẳng giới; tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết và nâng cao chất lượng tuyên truyền về bình đẳng giới trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục, kịp thời thông tin các hoạt động về công tác bình đẳng giới ở các địa phương và trên địa bàn toàn tỉnh. Nêu gương những điển hình tốt, đồng thời lên án những hành vi vi phạm quyền phụ nữ.

15. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành: Chỉ đạo, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của ngành, lĩnh vực phụ trách; xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm để thực hiện công tác bình đẳng giới trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được phân công; bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động bình đẳng giới theo quy định hiện hành; bố trí, phân công cán bộ, công chức theo dõi công tác vì sự tiến bộ phụ nữ của cơ quan, đơn vị; thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức có đủ năng lực, điều kiện thực hiện các hoạt động bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ phụ nữ; kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong phạm vi quản lý hoặc được phân công.

16. UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế: Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch hành động giai đoạn và hàng năm; lồng ghép, với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; bố trí đủ cán bộ, công chức làm công tác bình đẳng giới ở phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, thực hiện chế độ báo cáo hàng năm và tổng kết việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và các tổ chức thành viên: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch này; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong tổ chức mình; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; bố trí hội viên làm cộng tác viên, tuyên truyền viên về bình đẳng giới ở cơ sở.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch thông qua Sở Lao động-Thương binh và Xã hội trước ngày 10/12 để tổng hợp.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện của các sở, ngành, địa phương về các nội dung của Kế hoạch; báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch hàng năm trước ngày 15/12; tham mưu, tổ chức đánh giá và báo cáo tổng kết Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020.

3. Trong quá trình thực hiện, các vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH (b/c);
- CT, PCT Nguyễn Dung;
- Các đơn vị nêu tại mục IV;
- CVP, PCVP KGVX;
- Lưu: VT, TC, XH.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Dung

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 164 /KH-UBND, ngày 12 / 7 /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế).

MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016-2020		CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
			TRUNG ƯƠNG	TỈNH	
Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.					
Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015-2020, Trong đó:		15,10		25	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
- Cấp tỉnh	%	14,55	25	-	
- Cấp huyện		13,33		-	
- Cấp xã		17,43		-	
Tỷ lệ nữ tham gia ĐBQH:	%	Không có			Sở Nội vụ
Tỷ lệ nữ tham gia HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2020, trong đó:		20,02	35	20,02 Duy trì và phấn đấu	
Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh	%	13,20			
Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp huyện		23,50			
Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp xã		23,37			
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ các sở, ban, ngành, UBND các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ:					
Tỷ lệ các sở, ban, ngành và UBND cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ	%		95		Sở Nội vụ
Tỷ lệ UBND cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ					
Tỷ lệ UBND cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ					
Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.					
	%	-	100	-	Sở Nội vụ
Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.					
Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ lao động được tạo việc làm mới hàng năm cho mỗi giới (nữ)	%	45,3	40	45,3 Duy trì và phát triển	Sở Lao động-TB&XH
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp.	%	30,61	35	35	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật.	%	42,61	50	50	Sở Lao động-TB&XH
Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ phụ nữ ở vùng nông thôn	%	100	100	100	Hội LHPN,

nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.					Ngân hàng CSXH	
Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo						
Chỉ tiêu 1:						
- Tỷ lệ biết chữ của nữ từ 15 -60 đạt ngang bằng với nam	%	-	98	98	Sở GD-ĐT, Cục Thống kê	
- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ		-	90	90		
Chỉ tiêu 2:						
- Tỷ lệ nữ thạc sỹ trên tổng số người có trình độ thạc sỹ	%	54,96	50	94,96 Duy trì và phát triển	Sở Nội vụ, Cục Thống kê	
- Tỷ lệ nữ tiến sỹ trên tổng số người có trình độ tiến sỹ		31,55	25	31,55 Duy trì và phát triển		
Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.						
Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 115 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái	Tỷ số	11,26	115/100	11,26 Duy trì và tiếp tục giảm	Sở Y tế	
Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống dưới 52/100.000 trẻ đẻ ra sống.	Tỷ số	5,85	52	5,85 Duy trì và tiếp tục giảm		
Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	%	98	50	98 Duy trì và phát triển		
Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống 27/100 trẻ đẻ sống	Tỷ số	18,61	27	18,61 Duy trì và tiếp tục giảm		
Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực Văn hóa và thông tin						
Chỉ tiêu 1: Phân đầu hàng tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn vào năm 2020	Chuyên mục	-	02	02	Sở Thông tin và Truyền thông	
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ đài phát thanh và đài truyền hình tỉnh và cấp huyện có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.	%	100	100	100		
Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.						
Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam.	Lần	-	1,5	1,5	Sở Văn hoá và Thể thao	
Chỉ tiêu 2:						
- Tỷ lệ nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân của bạo lực gia đình	%	81,01	50	81,01 Duy trì và phân đầu		

- Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	%	-	75	-	
Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân (là phụ nữ) bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.	%	Chưa phát hiện	100	100	Sở Lao động-TB&XH
Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới					
Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được thẩm định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.	%	-	100	100	Sở Tư pháp
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.	%	-	100	100	
Chỉ tiêu 3: Đến năm 2020 đề nghị bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở cấp tỉnh và cấp huyện, hình thành đội ngũ công tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.	Người	Cấp tỉnh: 01 cán bộ; cấp huyện: 01; chưa có CTV	Bố trí đủ cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện; có đội ngũ CTV	Duy trì Cấp tỉnh: 01 cán bộ; cấp huyện: 01; chưa có CTV	Sở Nội vụ
Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần	%	100	100	100	Sở Lao động-TB&XH

ỦY BAN NHÂN DÂN